

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	7,5	8,5	8,2		7,0		7,5	Đạt
2	2223240201	Hà Thị Mỹ	Chinh	03/01/2004	02DD15A2	7,0	4,0	5,0		0,0		2,0	Thi lại
3	2223240257	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	20/05/1994	02DD15A2	8,0	7,8	7,8		6,5		7,0	Đạt
4	2223240189	Ngô Thị Hương	Giang	07/10/2003	02DD15A2	7,5	3,5	4,8	TBKT	0,0		1,9	Học lại
5	2223360224	Nguyễn Thị	Hà	19/01/2001	02DD15C2	7,5	7,0	7,2		0,0		2,9	Thi lại
6	2223360300	Lương Kim Bảo	Hân	15/02/2006	02DD15C2	8,0	8,3	8,2		6,5		7,2	Đạt
7	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	26/08/2004	02DD15A2	8,0	8,8	8,5		7,0		7,6	Đạt
8	2223240121	Nguyễn Trung	Hưng	01/11/2000	02DD15A2	8,5	8,5	8,5		7,0		7,6	Đạt
9	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02DD15A2	8,0	7,0	7,3		5,5		6,2	Đạt
10	2223360144	Phùng Yến	Nhi	21/11/2007	02DD15C2	8,0	7,5	7,7		6,5		7,0	Đạt
11	2223240161	Bích Hường	Niê	18/03/1996	02DD15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
12	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	4,0	3,5	3,7	TBKT	0,0		1,5	Học lại
13	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	02DD15A2	8,0	8,3	8,2		6,0		6,9	Đạt
14	2223240117	Lê Đình	Phương	23/04/2001	02DD15A2	8,0	8,5	8,3		7,0		7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	2223240071	Trịnh Thị	Sương	10/06/1994	02DD15A2	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
16	2223240291	Trịnh Giang	Thanh	23/08/2001	02DD15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
17	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
18	2223180093	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/1998	02DD15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
19	2223360514	Lê Minh	Thiện	18/10/2002	02DD15C2	9,0	9,3	9,2		8,0		8,5	Đạt
20	2223240181	Trương Huyền Nhã	Trân	14/05/2004	02DD15A2	8,0	8,5	8,3		7,5		7,8	Đạt
21	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	02DD15A2	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
22	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	7,5	6,0	6,5		7,5		7,1	Đạt
23	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/6/1998	02DD15C2	8,0	4,0	5,3		0,0		2,1	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: NHẬP MÔN ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								6,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	6,0	6,0	6,0		5,2		5,5	Đạt
2	2223240201	Hà Thị Mỹ	Chinh	03/01/2004	02DD15A2	8,0	6,0	6,7		3,8		4,9	Đạt
3	2223240257	Nguyễn Lệ Kỳ	Duyên	20/05/1994	02DD15A2	8,0	5,5	6,3		4,2		5,1	Đạt
4	2223240189	Ngô Thị Hương	Giang	07/10/2003	02DD15A2	7,0	6,0	6,3		4,0		4,9	Đạt
5	2223360224	Nguyễn Thị	Hà	19/01/2001	02DD15C2	7,0	6,0	6,3		3,5		4,6	Đạt
6	2223360300	Lương Kim Bảo	Hân	15/02/2006	02DD15C2	8,0	4,0	5,3		4,3		4,7	Đạt
7	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	26/08/2004	02DD15A2	7,0	6,5	6,7		3,8		4,9	Đạt
8	2223240121	Nguyễn Trung	Hưng	01/11/2000	02DD15A2	7,5	6,0	6,5		2,7		4,2	Đạt
9	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02DD15A2	6,0	4,5	5,0		4,0		4,4	Đạt
10	2223360144	Phùng Yên	Nhi	21/11/2007	02DD15C2	6,0	4,5	5,0		4,8		4,9	Đạt
11	2223240161	Bích Hường	Niê	18/03/1996	02DD15A2	6,0	6,5	6,3		3,5		4,6	Đạt
12	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	7,0	6,5	6,7		2,8		4,3	Đạt
13	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	02DD15A2	0,0	5,0	3,3	TBKT			1,3	Học lại
14	2223240117	Lê Đình	Phương	23/04/2001	02DD15A2	8,5	6,0	6,8		5,3		5,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	2223240071	Trịnh Thị	Sương	10/06/1994	02DD15A2	6,0	7,0	6,7		4,3		5,2	Đạt
16	2223240291	Trịnh Giang	Thanh	23/08/2001	02DD15A2	7,5	0,0	2,5	TBKT			1,0	Học lại
17	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	7,0	4,0	5,0		2,3		3,4	Thi lại
18	2223180093	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/1998	02DD15A2	8,0	0,0	2,7	TBKT			1,1	Học lại
19	2223360514	Lê Minh	Thiện	18/10/2002	02DD15C2	8,5	7,0	7,5		5,7		6,4	Đạt
20	2223240181	Trương Huyền Nhã	Trân	14/05/2004	02DD15A2	7,0	6,5	6,7		5,8		6,1	Đạt
21	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	02DD15A2	8,5	7,0	7,5		5,0		6,0	Đạt
22	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	6,0	5,0	5,3		4,5		4,8	Đạt
23	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/6/1998	02DD15C2	6,0	6,0	6,0		4,7		5,2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	8,3	8,5	8,4		7,8		8,0	Đạt
2	2223240201	Hà Thị Mỹ	Chinh	03/01/2004	02DD15A2	8,0	4,3	5,5		0,0		2,2	Thi lại
3	2223240257	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	20/05/1994	02DD15A2	7,3	7,8	7,6		7,3		7,4	Đạt
4	2223240189	Ngô Thị Hương	Giang	07/10/2003	02DD15A2	8,5	7,8	8,0		0,0		3,2	Thi lại
5	2223360224	Nguyễn Thị	Hà	19/01/2001	02DD15C2	7,0	8,0	7,7		0,0		3,1	Thi lại
6	2223360300	Lương Kim Bảo	Hân	15/02/2006	02DD15C2	7,3	6,8	6,9		6,5		6,7	Đạt
7	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	26/08/2004	02DD15A2	8,5	8,3	8,3		6,0		6,9	Đạt
8	2223240121	Nguyễn Trung	Hung	01/11/2000	02DD15A2	8,5	7,8	8,0		5,5		6,5	Đạt
9	2223240067	Võ Tuệ	Nhi	29/01/2001	02DD15A2	7,8	7,3	7,4		8,5		8,1	Đạt
10	2223360144	Phùng Yến	Nhi	21/11/2007	02DD15C2	6,5	3,5	4,5	TBKT	0,0		1,8	Học lại
11	2223240161	Bích Hường	Niê	18/03/1996	02DD15A2	4,0	3,5	3,7	TBKT	0,0		1,5	Học lại
12	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	8,5	7,3	7,7		0,0		3,1	Thi lại
13	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	02DD15A2	7,5	8,0	7,8		4,5		5,8	Đạt
14	2223240117	Lê Đình	Phuong	23/04/2001	02DD15A2	7,0	8,0	7,7		7,8		7,7	Đạt

MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	2223240071	Trịnh Thị	Sương	10/06/1994	02DD15A2	8,3	8,3	8,3		6,8		7,4	Đạt
16	2223240291	Trịnh Giang	Thanh	23/08/2001	02DD15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
17	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	7,3	7,3	7,3		7,8		7,6	Đạt
18	2223180093	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/1998	02DD15A2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
19	2223360514	Lê Minh	Thiện	18/10/2002	02DD15C2	8,3	7,8	7,9		9,0		8,6	Đạt
20	2223240181	Trương Huyền Nhã	Trân	14/05/2004	02DD15A2	7,8	7,3	7,4		7,8		7,6	Đạt
21	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	02DD15A2	8,5	7,8	8,0		7,3		7,6	Đạt
22	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	8,0	7,5	7,7		3,3		5,0	Đạt
23	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/6/1998	02DD15C2	7,8	7,8	7,8		6,0		6,7	Đạt